TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 424/2019/HC-PT
Ngày 08 tháng 7 năm 2019
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ba.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử công khai phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 200/2017/TLPT-HC ngày 17 tháng 7 năm 2017 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1335/2019/QĐPT- HC ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1/ Ông Nhan Văn T, sinh năm 1942 (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1952 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ tạm trú: Số x đường Mậu Thân, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Võ Thành T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C*: Ông Nguyễn Chí K, sinh năm 1964 – Phó giám đốc sở tài nguyên môi thường thành phố C (có mặt).

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Thanh U, sinh năm 1970 Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Đ (chết năm 2016)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

1/ Ông Nguyễn Tri P (có mặt).

2/ Bà Huỳnh An L (vắng mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị Mộng T (vắng mặt).

4/ Nguyễn Tri G (vắng mặt).

5/ Nguyễn Thị Lệ T (vắng mặt).

6/ Nguyễn Tri Q (vắng mặt).

7/ Nguyễn Thị Nguyệt T (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số X, ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền của các bà L, bà Mộng T, *bà* Lệ T: Ông Nguyễn Tri P, ông Nguyễn Tri G (văn bản ủy quyền ngày 7/11/2016).

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện – Ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Năm 1988, bà Lê Thị Kim H lập giấy tay bán căn nhà cho vợ ông là bà Nguyễn Thị Kim L. Sau khi mua nhà ông, bà đã đôn nền, lát gạch tàu, lợp tol, đóng cây nước trong nhà, ở ổn định và không có tranh chấp. Ông bà có đóng thuế nhà 01 lần vào năm 1993. Sau đó, ông bà cho ông Sáu Q thuê mỗi tháng 400.000 đồng.

Đến năm 2000 thì phát sinh tranh chấp với ông Nguyễn Văn Đ và ông Trần Quốc T.

Ngày 18/02/2002 Ủy ban nhân dân huyện O (cũ) nay là Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định 519/2002/QĐ.UB buộc ông T, bà L tháo dỡ nhà giao lại cho ông Đ 59.4m^2 và ông Trần Quốc T 11m^2. Tổng cộng 70.4m^2.

Đến ngày 18/10/2005 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định 4322/QĐ-UBND cưỡng chế thi hành Quyết định 519/QĐ.UB nêu trên. Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C không triển khai Quyết định 4322/QĐ.UBND cho ông bà.

Do ông bà có đơn khiếu nại nên ngày 15/10/2010 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định 2841/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông T, bà L với ông Đ, ông T. Ông bà đã khởi kiện Quyết định 2841/QĐ-UBND đến Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/3/2014 người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C xin rút lại toàn bộ Quyết định 2841/QĐ-UBND. Do đó, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 30/01/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định 395/QĐ-UBND hủy bỏ toàn bộ Quyết định 2841/QĐ-UBND.

Ngày 03/8/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định 2471/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quyết định 519/2002/QĐ.UB có nội dung ổn định cho ông Đ diện tích 39.1m^2 đất tranh chấp; Ông Đ hỗ trợ cho ông T, bà L số tiền 35.000.000 đồng; Giao cho Ủy ban nhân dân huyện T xem xét cấp cho ông T 01 nền tái định cư khu dân cư vượt lũ xã Trường Thành.

Không đồng ý với quyết định nêu trên, ông bà khiếu nại. Ngày 20/4/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định 1087/QĐ-UBND không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông T, bà L. Công nhận và giữ nguyên Quyết định 2471/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 519/QĐ.UB. Tuy nhiên, ông T, bà L không đồng ý nhận nền tái định cư mà Ủy ban nhân dân huyện T xem xét cấp. Vì ông, bà cho rằng đất tranh chấp là của ông bà ở ngay vị trí mặt tiền chợ Thới Lai nên không thể lấy giao cho ông Đ và đền bù một nền tái định cư tại khu dân cư vượt lũ xã Trường Xuân được. Do đó, ông bà đề nghị được nhận lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp.

Ngày 11/5/2016 ông T khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ yêu cầu:

1/ Hủy bỏ toàn bộ Quyết định 1087/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.

2/ Hủy bỏ toàn bộ Quyết định 2471/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc sửa đổi Quyết định 519/QĐ.UB.

3/ Hủy toàn bộ Quyết định 4322/QĐ.UBND ngày 18/10/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện O (cũ) nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

4/ Yêu cầu bồi thường thiệt hại tổng cộng 408.800.000 đồng, gồm các khoản sau:

- Tiền vật kiến trúc do cưỡng chế sai, số tiền 100.000.000 đồng.

- Tiền cho thuê nhà mỗi tháng 400.000 đồng từ khi cưỡng chế đến nay là 52.800.000 đồng.

- Tiền thuê nhà mỗi tháng 2.000.000 đồng từ khi tranh chấp đến nay là 216.000.000 đồng.

- Tiền chi phí đánh đơn, gửi bưu điện từ năm 2005 đến 2016 là 20.000.000 đồng.

- Tiền sa sút tinh thần là 20.000.000 đồng.

Đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Thống nhất với trình bày của người khởi kiện về quá trình tranh chấp và giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, trong quá trình khiếu nại thì ông T, bà L không có khiếu nại Quyết định 519/QĐ.UB của Ủy ban nhân dân huyện O (cũ) nay là Ủy ban nhân dân huyện T nên quyết định này có hiệu lực. Sau khi chia tách địa giới hành chính thì phần đất tranh chấp thuộc địa phận huyện C. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định 4322/QĐ.UBND cưỡng chế thi hành Quyết định 519/QĐ.UB nêu trên. Theo đó, buộc ông T giao cho ông Đ 59.40m^2 và giao cho ông Trần Quốc T 11m^2 đất tranh chấp. Tuy nhiên, vào năm 2005 ông Trần Quốc T đã giao 11m^2 đất này cho ông Đ sử dụng và việc cưỡng chế đã thực hiện xong. Quyết định cưỡng chế được ban hành và thực hiện đúng quy định pháp luật.

Sau khi, đo đạc và trừ đi diện tích thuộc lộ giới, hành lang bảo vệ lộ giới thì diện tích tranh chấp chỉ còn lại 39.1m^2. Trên cơ sở đó, ngày 03/8/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định 2471/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quyết định 519/2002/QĐ.UB giao cho ông Đ được tiếp tục sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 39.1m^2, ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành. Ông Đ phải hỗ trợ tiền vật kiến trúc cho ông T 35.000.000 đồng. Giao cho bộ phận tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân huyện xét cấp cho ông T 01 nền tái định cư tại khu dân cư vượt lũ xã Trường Thành. Quyết định này được ban hành là hợp tình, hợp lý. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên nội dung các quyết định bị kiện.

Đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C trình bày:

- Đối với Quyết định 519/2002/QĐ.UB ngày 18/02/2002 của Ủy ban nhân dân huyện O buộc ông Nhan Văn T phải di dời toàn bộ nhà đã cất trên phần đất 70.4m^2 để giao cho ông Đ 59.4m^2 đất thuộc thửa 1099 và giao cho ông Trần Quốc T 11m^2 đất thuộc thửa 1098. Do ông T, bà L không khiếu nại nên quyết định này có hiệu lực thi hành.

- Đối với Quyết định 4322/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc cưỡng chế thi hành quyết định đối với ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L là đúng quy định pháp luật.

- Đối với Quyết định 2471/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 519/QĐ.UB ngày 18/02/2002 là phù hợp quy định pháp luật.

- Đối với Quyết định 1087/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng quy định pháp luật.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C vẫn giữ nguyên quyết định bị kiện.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

- *Ông Nguyễn Tri P cho rằng:* Việc ông T, bà L khiếu kiện yêu cầu hủy các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và quyết định của Ủy ban nhân dân huyện T thì gia đình ông không đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện.

- *Ông Nguyễn Tri G:* Thống nhất trình bày và yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính số 03/2017/HC-ST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định:

Căn cứ: Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143, điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính 2015; Điều 588 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm c Điều 19 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 và Điều 2 Nghị quyết 02/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đối với các quyết định hành chính:

- Bác yêu cầu của người khởi kiện của ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L đối với yêu cầu hủy toàn bộ các Quyết định 1087/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và toàn bộ Quyết định 2471/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc sửa đổi Quyết định 519/QĐ.UB ngày 18/02/2002 của Ủy ban nhân dân huyện O (cũ).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nhan Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L đối với Quyết định 4322/QĐ.UBND ngày 18/10/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện O (cũ) nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

2/ Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với số tiền 40.000.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với số tiền 368.800.000 đồng.

Ngoài ra, bản án hành chính sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017, người khởi kiện là ông Nhan Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L có kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện ông Nhan Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân thành phố C.

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nhan Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy các Quyết định 1087/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định 2471/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc sửa đổi Quyết định 519/QĐ-UBND và Quyết định số 4322/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện O (cũ) nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Khiếu kiện quyết định hành chính" và giải quyết là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Ông Nhan Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định của pháp luật.

[2] Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Năm 1988, bà Lê Thị Kim H lập giấy viết tay bán căn nhà cho bà Tư T (mẹ của bà Nguyễn Thị Kim L vợ ông Nhan Văn T). Sau khi mua nhà bà Tư T có đến nhà ông Đ hỏi xin ở hết xác nhà thì di dời. Ông Đ yêu cầu bà Tư T làm giấy giao kèo nhưng bà Tư T trì hoãn không làm, sau đó bà Tư T bỏ đi nơi khác để lại nhà cho vợ chồng ông Nhan Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L sử dụng. Quá trình sử dụng ông T, bà L đã tôn nền, lót gạch tàu, lợp tol, đóng cây nước trong nhà, ở ổn định không có tranh chấp. Trong qúa trình ở ông T bà L có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế nhà 01 lần vào năm 1993. Sau đó ông T, bà L cho ông Sáu Q thuê lại mỗi tháng 400.000 đồng. Đến năm 2000 thì xảy ra tranh chấp với ông Nguyễn Văn Đ và ông Trần Quốc T.

[2.1] Ngày 18/02/2002 Ủy ban nhân dân huyện O (nay là huyện T) thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định 519/2002/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Đ, ông Trần Quốc Tvới ông Nhan Văn T, với nội dung: Buộc ông Nhan Văn T phải di dời toàn bộ căn nhà đã cất trên phần đất đang tranh chấp để giao lại tổng diện tích 70.4m^2. Trong đó giao cho ông Nguyễn Văn Đ một phần thửa 1099 với diện tích 59.4m^2 và giao cho ông Trần Quốc T một phần thửa 1098 với diện tích 11m^2.

[2.2] Ngày 18/10/2005 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định 4322/QĐ-UBND về việc cưỡng

chế thi hành Quyết định 519 nêu trên, buộc ông T, bà L phải tháo dỡ di dời toàn bộ nhà, vật kiến trúc để giao toàn bộ diện tích đất cho ông Đ và ông Trần Quốc T.

Do ông T, bà L có đơn khiếu nại nên ngày 15/10/2010, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định 2841/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông T, bà L với ông Đ, ông Trần Quốc T.

Không đồng ý với Quyết định 2841/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố C, ông T, bà L đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/3/2014 đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C xin rút toàn bộ Quyết định 2841/QĐ-UBND do đó Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Đến ngày 30/01/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 395/QĐ-UBND hủy bỏ toàn bộ Quyết định 2841.

[2.3] Ngày 03/8/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2471/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quyết định 519 với nội dung: Ổn định cho ông Đ diện tích 39.1m^2 đất tranh chấp ông Đ hỗ trợ cho ông T, bà L số tiền 35.000.000 đồng; Giao cho Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông T, bà L một nền tái định cư, khu dân cư vượt lũ xã Trường Thành.

Không đồng ý với Quyết định nêu trên, ông T, bà L tiếp tục khiếu nại.

[2.4] Ngày 20/4/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định 1087/QĐ-UBND không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông T, bà L. Công nhận và giữ nguyên Quyết định 2471/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 519.

[2.5] Ông T, bà L đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ:

- Hủy bỏ toàn bộ Quyết định 1087/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.

- Hủy bỏ toàn bộ Quyết định 2471/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc sửa đổi Quyết định 519.

- Hủy toàn bộ Quyết định 4322/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện O (cũ) nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L.

[3] Xét kháng cáo của ông T, bà L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Đối với Quyết định 519/2002/QĐ-UB ngày 18/02/2002 và Quyết định 4322/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện O (cũ) nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T thành phố C thi hành cưỡng chế Quyết định 519/2002/QĐ-UB của UBND huyện O đã bị Quyết định 2841/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố C sửa đổi, bổ sung. Ngày 30/01/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C hủy bỏ Quyết định 2841 nêu trên. Ngày 03/8/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2471/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quyết định 519. Như vậy việc ông T, bà L khiếu nại Quyết định 4322/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện O (cũ) và đã được UBND thành phố C và UBND huyện T xem xét, giải quyết liên tục nên yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định 4322 là còn thời hiệu khởi kiện, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đã hết thời hiệu và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L là không có căn cứ.

[3.2] Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất: Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2003; Mục 3.3 Thông tư số 01/2002/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-TCĐC ngày 03/01/2002 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng cục địa chính thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Đ, ông Trần Quốc T với ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L thuộc trường hợp đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trên đất đang tranh chấp đã có nhà cấp 4 có diện tích 69,3m^2 mái tol, nền gạch tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND thành phố C không có thẩm quyền giải quyết. Vì vậy ông T, bà L yêu cầu hủy Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là có căn cứ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L là không có căn cứ.

[3.3] Đối với yêu cầu bồi thường do tổn thất tinh thần, chi phí đi lại khiếu kiện ông T không chứng minh cụ thể được nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần là có căn cứ, hợp lý. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T cũng không có chứng cứ gì mới nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những nhận định và phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét chấp nhận kháng cáo của ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L, sửa bản án sơ thẩm, theo hướng hủy các Quyết định 1087/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định 2471/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định 4322/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện O (cũ) nay là Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Cần Thơ.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Do yêu

cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L. Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 203 Luật đất đai năm 2003; Mục 3.3 Thông tư số 01/2002/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-TCĐC ngày 03/01/2002 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng cục Địa chính.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L đối với yêu cầu hủy toàn bộ các Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc sửa đổi Quyết định 519/QĐ-UB ngày 18/02/2002 của Ủy ban nhân dân huyện O (cũ) và Quyết định 4322/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện O (cũ) nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

3. Ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng cho ông Nhan Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L tại biên lai thu số 000300 ngày 10/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố CầnThơ .

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VP (3), HS (2), 12b.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Hữu Ba